TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 579/2025/DS-PT
Ngày 27 - 11 - 2025
V/v tranh chấp chia thừa kế QSD đất và tài sản gắn liền trên đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lực

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Đức Hoài Mi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên toà: Bà Đoàn thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 354/2025/TLPT-DS, ngày 01 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 530/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Biện Thị T, sinh năm 1957; cư trú ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Biện Văn C, sinh năm 1963; cư trú ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt);

2. Ông Biện Văn T1, sinh năm 1951; cư trú số 629/72 N, tổ C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Biện Thị D, sinh năm 1965 (có mặt);

2. Ông Đặng Trung H, sinh năm 1956 (có mặt);

3. Chị Đặng Ngọc Anh T2, sinh năm 2001(có mặt);

4. Chị Thái Thị Thu P, sinh năm 1982 (vắng mặt);

5. Anh Thái Phước C1, sinh năm 1984 (vắng mặt);

6. Bà Lê Thị Y, sinh năm 1969 (vắng mặt);

7. Chị Biện Thị Yến N, sinh năm 2000 (vắng mặt);

8. Chị Biện Thị Yến N1, sinh năm 2005 (vắng mặt);

Cùng cư trú ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

9. Ông Võ Minh T3, sinh năm 1952; cư trú ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Võ Minh T3: Bà Võ Hồng T4, sinh năm 1977; cư trú ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 16/4/2025, vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Biện Văn T1 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 13/5/2022, các đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Biện Thị T trình bày:*

Cha mẹ bà là cụ Biện Văn N2 (chết 2007) và cụ Nguyễn Thị C2 (chết năm 2015) có tất cả 05 người con gồm: Ông Biện Văn T5 (chết năm 1963 không có vợ con), ông Biện Văn T1, ông Biện Văn C, bà Biện Thị D và bà. Sinh thời cụ N2 và cụ C2 có tạo lập được 04 thửa đất gồm: Thửa 32, diện tích 5.710m^2 (đất lúa); thửa 139, diện tích 2.810m^2 (đất lúa); thửa 143 diện tích 2.240m^2 (đất lúa) và thửa 140 diện tích 5.460m^2 (đất ở - quả) cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long).

Năm 1999 cụ N2 và cụ C2 đã chia đất cho các con mỗi người một phần, nhưng chưa làm thủ tục sang tên tách thửa. Riêng thửa đất 140, diện tích 5.460m^2 được chia làm 04 phần, phần bà được chia chiều ngang 02 đầu 18m, chiều dài 02 bên 51m, tổng diện tích 918m^2, bà đã nhận đất và sử dụng làm nhà ở như hiện trạng mà Tòa án đã thẩm định.

Do có sự bất đồng nên các anh em của bà không tự thỏa thuận được phần đất cụ thể mỗi người được hưởng, nên không làm được thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất. Thửa đất 140 là tài sản của cha mẹ chết để lại không có di chúc, quyền sử dụng đất hiện do cha bà là cụ N2 đứng tên, nên bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho bà được hưởng phần đất đang sử dụng diện tích 1.106,4m^2, theo kết quả đo đạc bao gồm phần A (phần lối đi) diện tích 206,9m^2 và phần C (phần bà đã cất nhà và đang quản lý) diện tích 899,5m^2.

** Bị đơn ông Biện Văn C trình bày:*

Ông thống nhất như lời khai của bà T về quan hệ gia đình, tài sản cha mẹ chết để lại không có di chúc, trong đó có thửa đất 140, diện tích 5.460m^2 đã được thỏa thuận phần chia làm 04 phần, ông và ông T1 nhận phần đất phía trước cặp lộ, bà T và bà D nhận phần đất bên trong có chừa lối đi.

Phần đất bà T được chia theo hiện trạng sử dụng chiều ngang 02 đầu 18m, chiều dài 02 bên 51m, nhưng do phần đầu dưới giáp nền mộ của cha mẹ nếu lấy chiều ngang 18m sẽ làm cho lối đi vào mộ nhỏ, ông T1 có ý kiến chia cho bà T đầu dưới ngang 16m nhưng bà T không đồng ý, từ đó phát sinh tranh chấp, nên quyền sử dụng đất đã thỏa thuận phân chia chưa làm thủ tục pháp lý, đất vẫn do cha là cụ N2 đứng tên.

Nay ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà T, phần nào chưa thống nhất thì anh chị em trong gia đình ngồi lại bàn bạc. Ông không yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ N2 và cụ C2 cho ông trong vụ kiện này.

** Bị đơn ông Biện Văn T1 trình bày:*

Ông thống nhất như lời khai của ông Biên Văn C3, tài sản cha mẹ chết để lại là thửa đất 140, diện tích 5.460m^2. Thửa đất này anh em thống nhất chia cho bà T được sử dụng phần đất chiều ngang đầu trên và đầu dưới là 18m, chiều dài hai bên là 51m, tổng diện tích là 918m^2. Tuy nhiên, vị trí phần đất bà T yêu cầu chia ông không đồng ý, vì cạnh đầu trên bà T xác định khi đo đạc lấn qua phần đất của ông được chia khoảng 01m, phần lối đi phải do bà T với bà D cùng đứng tên. Ông không yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ N2 và cụ C2 cho ông trong vụ kiện này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Biện Thị D trình bày:*

Bà thống nhất ý kiến trình bày của nguyên đơn và bị đơn về hàng thừa kế và di sản thừa kế, bà không tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị Y, bà Võ Hồng T4, ông Đặng Trung H, chị Đặng Ngọc Anh T2, anh Thái Phước C1, chị Thái Thị Thu P, chị Biện Thị Yến N, chị Biện Thị Yến N1 bà Võ Hồng T4 cùng có lời khai không tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long đã quyết định:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Biện Thị T về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Biện Văn N2 và cụ Nguyễn Thị C2 đối với thửa đất số 140, tờ bản đồ số 3, diện tích 5851,8m^2, loại đất ở - quả, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long).

- Chia cho bà Biện Thị T được hưởng thừa kế diện tích 1.106,4m^2, loại đất ở - quả bao gồm phần A (phần lối đi) diện tích 206,9m^2 và phần C diện tích 899,5m^2 (trong này có 50m^2 đất ở và 849,5m^2 đất quả) và toàn bộ tài sản trên đất gồm 02 cây dừa dưới năm năm tuổi; 08 cây dừa từ 07 - 25 năm tuổi; 01 cây mận 20 năm tuổi; 06 cây bưởi từ 04 đến dưới 20 năm tuổi; 70 cây tre chiều dài dưới 6m và một căn nhà nền gạch, vách lá, mái tol diện tích 6 x 8m. *(vị trí tứ cận được thể hiện tại sơ đồ khu đất kèm theo công văn số 24/CNHCL, ngày 17/3/2025 của Văn phòng Đ Chi nhánh huyện C*).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên đình chỉ đối với yêu cầu nguyên đơn đã rút, nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền thỏa thuận, tự nguyện, yêu cầu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/8/2025, bị đơn ông Biện Văn T1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Biện Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Biện Văn T1, giữ nguyên án sơ thẩm.

- Bị đơn ông Biện Văn T1 có kháng cáo vắng mặt, nhưng có văn bản trình bày đề nghị hủy án sơ thẩm vì cho rằng tại Tòa án cấp sơ thẩm ông có yêu cầu chia thừa kế cho 04 anh em, nhưng án sơ thẩm nhận định ông không có yêu cầu là không đúng; quyết định chia đất cho bà T lấn qua phần đất làm lối đi chung.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Biện Thị D trình bày: Tại Tòa án cấp sơ thẩm bà có trình bày không yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 140 vì nghĩ rằng phần đất bà đang sử dụng đã được chia rồi, không ai được quyền tranh chấp, bà không được Tòa án giải thích nếu không yêu cầu chia di sản thừa kế thì nhường phần mình được hưởng cho ai hoặc khước từ hưởng di sản. Yêu cầu Tòa án chia cho bà phần đất đang sử dụng, yêu cầu được đứng tên và cùng sử dụng lối đi chung mà Tòa án đã công nhận cho bà T diện tích 206,9m^2.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Vụ án tranh chấp chia di sản thừa kế thửa đất 140, diện tích 5.460m^2 (đất ở - quả) cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, thẩm định toàn diện thửa đất là vi phạm Điều 101 của Bộ luật Tố tụng dân sự, định giá không chính xác, Sơ đồ đo đạc không cụ thể, khó thi hành. Nội dung giải quyết vụ án chỉ chia cho bà T là chưa đảm bảo quyền lợi của các đồng thừa kế khác, vi phạm nghiêm trọng pháp luật về nội dung. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Biện Thị T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Biện Văn N2 (chết 2007) và cụ Nguyễn Thị C2 (chết năm 2015) đối với thửa đất số 140, diện tích 5.460m^2 (thực đo 5851,8m^2), tọa lạc ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Thửa đất này ngày 02/5/1996 Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp Giấy chứng nhận QSD đất do cụ N2 đại diện hộ gia đình đứng tên. Từ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp di sản thừa kế là đúng bản chất vụ án, đúng yêu cầu khởi kiện của đương sự. Đơn kháng cáo của bị đơn ông Biện Văn T1 còn trong hạn luật định là hợp lệ, Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đối với vụ án tranh chấp di sản thừa kế, Tòa án phải làm rõ di sản của người chết để lại gồm những gì, hàng thừa kế gồm những ai, xác định vụ án chia thừa kế theo di chúc hay chia theo pháp luật, xác định yêu cầu cụ thể của từng người thừa kế có yêu cầu chia hay không chia, nếu có yêu cầu chia thì chia như thế nào, nếu không yêu cầu chia thì phần

được hưởng họ nhường cho ai hay khước từ hưởng di sản… Từ việc phải làm rõ các nội dung trên, thì mới có định hướng đúng trong việc thu thập chứng cứ, đảm bảo cho việc phán quyết của Tòa án có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Trong vụ án cụ thể này có căn cứ xác định thửa đất 140, diện tích 5.460m^2 là di sản của cụ N2 và cụ C2, vì được các đương sự thừa nhận và đất cụ N2 còn đứng tên. Lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải làm rõ yêu cầu của các đồng thừa kế khác như ông Biện Văn T1, ông Biện Văn C, bà Biện Thị D có yêu cầu chia thừa kế phần đất theo hiện trạng từng người đã sử dụng mà trước đó họ đã tự phân chia hay không, nếu không yêu cầu chia thì phần được hưởng họ nhường cho ai hay khước từ hưởng di sản, trên đất có các ngôi mộ, lối đi vào mộ, cây trồng, vật kiến trúc, công sức tạo lập… cũng không được làm rõ ý kiến của đương sự như thế nào, không mô tả đầy đủ trong biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ; kết quả đo đạc chỉ thể hiện phần đất bà T yêu cầu chia, không thể hiện phần đất theo hiện trạng mà ông T1, ông C, bà D đang sử dụng. Từ những thiếu sót trên xét thấy việc thu thập chứng cứ và chứng minh Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Để đảm bảo chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Biện Văn C, chấp nhận ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa, hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long xét xử lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Khi giải quyết lại vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cần làm rõ ranh giới của thửa đất tranh chấp với các thửa đất liền kề để bản án được thực thi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2025/DSST ngày 25/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long xét xử tranh chấp di sản thừa kế giữa nguyên đơn bà Biện Thị T với bị đơn ông Biện Văn C, ông Biện Văn T1. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Biện Văn T1 không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND khu vực 11 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 11 - Vĩnh Long;
- Phòng GĐKT,TT&THA;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Văn Lực